TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2020
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **LÝ MINH HÙNG**
2. Ông **NGUYỄN VĂN DỰC**

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông **TRẦN MINH CƯỜNG** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **VÕ THỊ THÙY D**, sinh năm 1988 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **PHẠM THANH T**, sinh năm 1981 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 27/12/2019 và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Võ Thị Thùy D trình bày:

Do mai mối nên chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T nhậu nhẹt về đánh chị và anh hay ghen tuông vô cớ. Anh chị đã ly thân khoảng 03 tháng nay. Nay chị cương quyết yêu cầu ly hôn anh T.

Con chung có hai cháu tên Phạm Thị Thanh Th, sinh ngày 30/5/2009 và Phạm Hữu Thnh, sinh ngày 15/6/2014, hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi hết hai cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không tranh chấp và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tờ tự khai không đề ngày tháng năm và lời khai tại Toà, bị đơn anh Phạm Thanh T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, anh cho rằng khoảng một năm mấy nay thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh nhậu về nói nhiều, ngoài ra vợ chồng không có

mâu thuẫn gì khác và anh chị đã ly thân khoảng 01 tháng nay. Nay anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ thương con.

Nếu giả sử Tòa án căn cứ quy định pháp luật cho vợ chồng ly hôn thì anh để con cho chị D nuôi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không tranh chấp và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh T vẫn giữ nguyên ý kiến như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị D và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Theo chị D trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T nhậu nhẹt về có đánh vợ, hay ghen tuông vô cớ làm cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, mất hạnh phúc. Anh chị đã chính thức ly thân khoảng 03 tháng nay. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh T. Về phía bị đơn anh T cho rằng khoảng một năm mấy nay do anh nhậu về có nói nhiều làm vợ buồn phiền và anh chị đã ly thân khoảng 01 tháng nay. Nay anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ, thương con. Xét thấy, cho chị D được ly hôn anh T là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trong thời gian ly thân cũng như trong các buổi hòa giải tại Tòa, anh T cũng không đưa ra được giải pháp nào thiết thực, thuyết phục chị D để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời, tại Tòa chị D xác định không muốn hàn gắn và không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Thêm vào đó, chứng cứ do đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án là bản cam kết bỏ rượu bia của anh T được viết vào năm 2012 nhưng đến nay tình trạng này vẫn không được khắc phục, thay đổi, làm ảnh hưởng, rạn nứt hạnh phúc gia đình của anh chị. Từ các phân tích trên, xác định cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Có hai cháu tên Phạm Thị Thanh Th, sinh ngày 30/5/2009 và Phạm Hữu Thnh, sinh ngày 15/6/2014 hiện đang sống với chị D. Xét thấy, giao hết hai cháu cho chị D nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, hai cháu đã sống ổn định với chị D từ khi vợ chồng ly thân đến nay và hiện tại cháu Thnh còn nhỏ rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ. Đồng thời, cháu Th cũng có nguyện vọng được sống với mẹ khi ba mẹ ly hôn. Mặt khác, anh T cũng thống nhất giao hết hai con chung cho chị D nuôi nếu anh chị ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, tránh ảnh hưởng đến tâm lý, sinh hoạt của các cháu nên giữ nguyên hiện trạng việc nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung:* Tại Tòa, chị D và anh T đều xác định không tranh chấp không đặt ra xem xét.

[5] *Về nợ chung:* Tại Tòa, chị D và anh T đều xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

***Xử*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Thị Thùy D. Cho chị Võ Thị Thùy D được ly hôn anh Phạm Thanh T.

Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu tên Phạm Thị Thanh Th, sinh ngày 30/5/2009 và Phạm Hữu Thnh, sinh ngày 15/6/2014 cho chị D nuôi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Võ Thị Thùy D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0002945 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện C*;
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *UBND xã A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM